阅读测验

萌 芽 级

【简体版】

第二大题

图文连连看

左边有几个句子，右边有几张图片，请把句子连到对的图片。
请注意有一张图片不会用到。

There are several sentences on the left side and several pictures on the right side. Please connect each sentence to its appropriate picture. Please note that one picture will not be used.

mā ma gěi xiǎo wá
妈 妈 给 小 娃
wa xǐ zǎo
娃 洗 澡。

mèi mei zhèng zài xǐ
妹 妹 正 在 洗
shǒu
手。

jiě jie xiān xǐ liǎn
姐 姐 先 洗 脸
zài chū mén
再 出 门。

mā ma zuì xǐ huān
妈 妈 最 喜 欢
xǐ tóu le
洗 头 了。

你可以在「解答」的同一页找到答案。
You can find the answers on the same page in the "Answer" file.

mā ma gěi xiǎo wá
妈 妈 给 小 娃
wa xǐ zǎo
娃 洗 澡。

mèi mei zhèng zài xǐ
妹 妹 正 在 洗
shǒu
手。

jiě jie xiān xǐ liǎn
姐 姐 先 洗 脸
zài chū mén
再 出 门。

mā ma zuì xǐ huān
妈 妈 最 喜 欢
xǐ tóu le
洗 头 了。

tiān shàng yǒu fēi jī
天 上 有 飞 机。

tiān shàng yǒu yuè liàng
天 上 有 月 亮。

tiān shàng yǒu tài yáng
天 上 有 太 阳。

tiān shàng yǒu xīng xing
天 上 有 星 星。

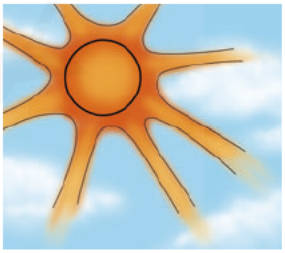

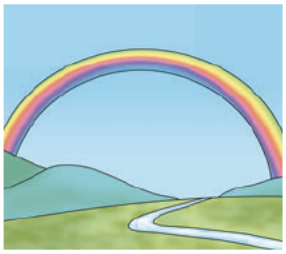

jīn tiān hěn rè
今 天 很 热。

jīn tiān hěn lěng
今 天 很 冷。

jīn tiān xià yǔ le
今 天 下 雨 了。

jīn tiān fēng hěn dà
今 天 风 很 大。

zhuō shàng yǒu sān míng zhì
桌 上 有 三 明 治。

zhuō shàng yǒu bīng qí lín
桌 上 有 冰 淇 淋。

zhuō shàng yǒu hàn bǎo
桌 上 有 汉 堡。

zhuō shàng yǒu bǐng gān
桌 上 有 饼 干。

xiǎo měi yǒu huáng tóu fǎ
小 美 有 黄 头 发。

xiǎo měi yǒu dà yǎn jing
小 美 有 大 眼 睛。

xiǎo měi zhāng dà zuǐ ba
小 美 张 大 嘴 巴。

xiǎo měi yǒu cháng shǒu zhǐ
小 美 有 长 手 指。

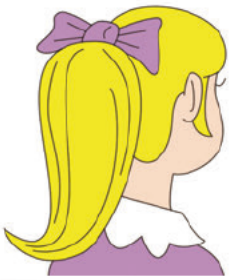

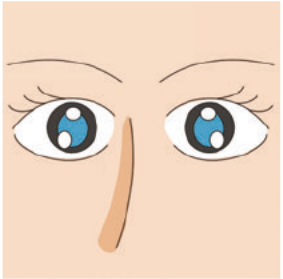

tā zài xiě zì
他 在 写 字。

tā zài kàn shū
他 在 看 书。

tā zài hē shuǐ
他 在 喝 水。

tā zài huà huà
他 在 画 画。

yì zhī lǎo hǔ
一 只 老 虎

yì zhī hóu zi
一 只 猴 子

yì zhī niǎo
一 只 鸟

yì zhī tù zi
一 只 兔 子

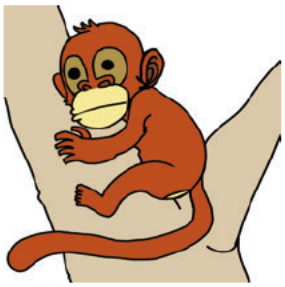

jiě jie de kù zi
姐 姐 的 裤 子

jiě jie de wà zi
姐 姐 的 袜 子

jiě jie de xié zi
姐 姐 的 鞋 子

jiě jie de mào zi
姐 姐 的 帽 子

zhè lǐ shì xué xiào
这里是学校。

zhè lǐ shì chē zhàn
这里是车站。

zhè lǐ shì cān tīng
这里是餐厅。

zhè lǐ shì shāng diàn
这里是商店。

gē ge de chǐ
哥 哥 的 尺

gē ge de shū
哥 哥 的 书

gē ge de qiān bǐ
哥 哥 的 铅 笔

gē ge de jiǎn dāo
哥 哥 的 剪 刀

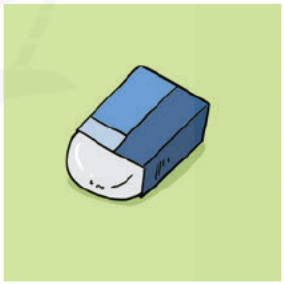

bà ba yǎng le mǎ
爸 爸 养 了 马 。

bà ba yǎng le zhū
爸 爸 养 了 猪 。

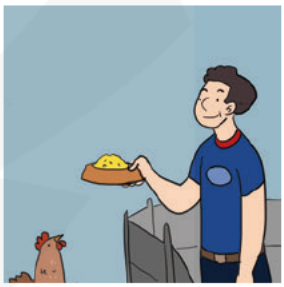

bà ba yǎng le māo
爸 爸 养 了 猫 。

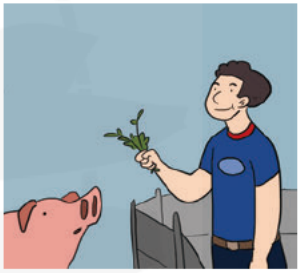

bà ba yǎng le jī
爸 爸 养 了 鸡 。

mèi mei zài tī qiú
妹 妹 在 踢 球 。

mèi mei zài wán wán jù
妹 妹 在 玩 玩 具 。

mèi mei zài zhào xiàng
妹 妹 在 照 相 。

mèi mei zài chàng gē
妹 妹 在 唱 歌 。

xiǎo māo zài chē zi lǐ miàn
小 猫 在 车 子 里 面。

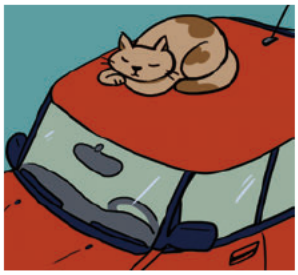

xiǎo māo zài chē zi shàng miàn
小 猫 在 车 子 上 面。

xiǎo māo zài chē zi qián miàn
小 猫 在 车 子 前 面。

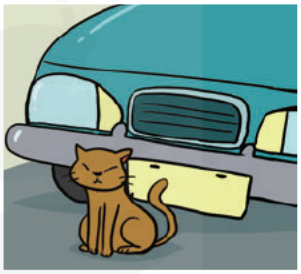

xiǎo māo zài chē zi zhōng jiān
小 猫 在 车 子 中 间。

zhè lǐ yǒu yì duǒ huā
这里有一朵花。

zhè lǐ yǒu yì xiē cǎo
这里有一些草。

zhè lǐ yǒu yì kē shù
这里有一棵树。

zhè lǐ yǒu yí piàn yè zi
这里有一片叶子。